TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - E I**

Bản án số: 85/2021/DS-ST
Ngày: 06 – 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Tính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trương Thị Hồng Phượng**

2. Ông **Đào Văn Vĩnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị M Tiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2020/TLST – DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97A/2021/QĐXX-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TL mại cổ phần B**

Trụ sở chính: Số 41&45 đường C, phường D, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông **B1**– Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **B2**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 442, đường N, Khóm 1, Phường 7, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền số 90/2021/UQ-HP ngày 01/12/2021.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

3. Anh **Nguyễn Văn I**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

4. Anh **Nguyễn Trường K**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

5. Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

6. Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng mại cổ phần B, trình bày:

Chị Nguyễn Thị E với Ngân hàng mại cổ phần B (sau đây viết gọn là Ngân hàng) thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 0024/2015/HĐTD-CN ngày 11/3/2015 và khế ước nhân nợ số 0024/2015/OCB/KUNN-CN ngày 13/3/2015 để vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán ống nước, phụ kiện ngành điện và nước, mô tơ điện, cánh quạt, khoan giếng nước, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay trong hạn bằng 10%/năm cố định trong 12 tháng của năm đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi điều chỉnh định kỳ 06 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiền gởi tiết kiệm Việt Nam đồng (VNĐ) kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ tối thiểu 4,0%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất, mức lãi suất cơ sở, lãi biên và/hoặc pL thức xác định LSCV phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Ngân hàng được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ và/hoặc pL thức xác định LSCV tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách của Ngân hàng theo từng thời kỳLãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên cho chị E, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0024/2015/BĐ ngày 11/3/2015 thế chấp tài sản sau: Quyền sử dụng đất tại ấp P, Xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM-733805 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Văn G ngày 22/01/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0024/2015/HĐTD-CN ngày 11/03/2015 và Khế ước nhận nợ số0024/2015-OCB/KUNN-CN ngày 13/03/2015 được ký kết giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị E. Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 0024/2015/HĐTD-CN ngày 11/3/2015 tạm tính đến ngày 08/3/2021 là 131.984.717 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng, tiền nợ lãi là: 59.677.470 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng chị E vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Do đó, chị E đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị E thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số 0024/2015/HĐTD-CN ngày 11/3/2015 tạm tính đến ngày 08/3/2021 là 131.984.717 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng, tiền nợ lãi là 59.677.470 đồng và tiền lãi , phí phát sinh

theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 09/3/2021 cho đến khi chị E hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp chị Nguyễn Thị E không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0024/2015/BĐ ngày 11/03/2015 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tuy nhiên, ngày 20/7/2021 chị E đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị E, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết đối với số tiền nợ gốc nêu trên. Ngoài ra, ngân hàng còn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 26/11/2021 là 17.181.822 đồng. Ngân hàng chỉ yêu cầu chị E thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 26/11/2021 là 50.899.565 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 16.430.812 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.468.753 đồng).

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị E: Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ cho chị E nhưng chị E vắng mặt không có lý do và không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ, văn bản nêu ý kiến cho Tòa án. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị E đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2021: Ông G có ký bảo lãnh cho chị Nguyễn Thị E (con gái ruột ông G) thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BM-733805, số vào sổ cấp GCN: CH01609 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Văn G ngày 22/01/2013 tại thửa 163 tờ bản đồ số 10, diện tích 1.797,4m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư và 1.722,4m^2 đất trồng cây lâu năm) để chị E vay tiền tại Ngân hàng TL mại cổ phần B vào ngày 11/3/2015. Tuy nhiên, ngày 20/7/2021 chị E đã thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng, hiện chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày 08/3/2021 là 59.677.000 đồng. Chị E sẽ cố gắng thanh toán dứt điểm số tiền nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng. Trường hợp chị E không thanh toán được đầy đủ số tiền nợ lãi trên cho Ngân hàng thì ông G đồng ý để Ngân hàng yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện A kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông G để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn I, anh Nguyễn Trường K, chị Nguyễn Thị L, chị Lê Thị M: Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ cho bà H, anh I, anh K, chị L, chị M nhưng bà H, anh I, anh K, chị L, chị M vắng mặt không có lý do và không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ, văn bản nêu ý kiến cho Tòa án. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H, anh I, anh K, chị L, chị M đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị E, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G, bà H, anh I, anh K, chị L, chị M chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình là theo quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TL mại cổ phần B đối với chị Nguyễn Thị E. Buộc chị E có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 26/11/2021 là 50.899.565 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 00 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.430.812 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.468.753 đồng.

Trường hợp chị E không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn G bảo lãnh thế chấp cho chị E để thu hồi nợ.

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị E đối với số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 17.181.822 đồng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị E về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 17.181.822 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị E phải chịu 5% trên tổng số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể: 50.899.565 đồng x 5% = 2.544.978 đồng, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Chị E phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TL mại Cổ phần B (sau đây viết gọn là Ngân hàng) khởi kiện chị Nguyễn Thị E yêu cầu thanh toán tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 11/3/2015, đây là tranh chấp về Hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng) theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện chị E có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã Q, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 03/12/2021, ông B2 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TL mại cổ phần B có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị E là bị đơn, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn I, anh Nguyễn Trường K, chị Nguyễn Thị L, chị Lê Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia

phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Ngày 26/11/2021, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị E về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 17.181.822 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị E về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 17.181.822 đồng, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ngày 11/3/2015, Ngân hàng với chị E ký kết hợp đồng tín dụng số 863/16/HDTD/0200-4182 và hợp đồng thế chấp tài sản số 0024/2015/HĐTD-CN để vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán ống nước, phụ kiện ngành điện và nước, mô tơ điện, cánh quạt, khoan giếng nước, thời hạn vay 60 tháng. Kể từ ngày vay tiền đến ngày 08/3/2021, chị E chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc, lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng nêu trên.

[5] Theo Giấy sao kê dư nợ hợp đồng do Ngân hàng cung cấp thể hiện ngày 20/7/2021 chị E đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng cho Ngân hàng, chị E chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi tính đến ngày 08/3/2021 là 59.677.470 đồng. Ông G cho biết chị E đồng ý tiếp tục thanh toán số tiền nợ lãi trên cho Ngân hàng.

Mặt khác, tại đơn xin rút một phần trong đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2021, Ngân hàng chỉ yêu cầu chị E thanh toán số tiền nợ lãi tính đến ngày 26/11/2021 là 50.899.565 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 00 đồng, tiền lãi trong hạn: 16.430.812 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.468.753 đồng. Xét thấy, yêu cầu nêu trên của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng với các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015), khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị E thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng.

[6] Trường hợp chị E không thanh toán được số tiền nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản bảo lãnh thế chấp của ông Nguyễn Văn G là quyền sử dụng đất số phát hành BM-733805, số vào sổ cấp GCN: CH01609 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Văn G ngày 22/01/2013 tại thửa 163 tờ bản đồ số 10, diện tích 1.797,4m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư và 1.722,4m^2 đất trồng cây lâu năm) để thu hồi nợ.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 260.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên chị E phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định nêu trên. Ngân hàng đã tạm nộp tạm ứng số tiền 260.000 đồng và đã chi phí hết vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp nên cần buộc chị E có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 260.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị E được Tòa án chấp nhận nên chị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5% x số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 50.899.565 đồng = 2.544.978 đồng, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp là 3.330.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008603 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 146 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2003; các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TL mại cổ phần B đối với chị Nguyễn Thị E về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Nợ tính đến ngày 26/11/2021 là 50.899.565 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 00 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.430.812 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.468.753 đồng. Buộc chị Nguyễn Thị E có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TL mại cổ phần B (do Ngân hàng TL mại cổ phần B chi nhánh Bạc Liêu – Phòng Giao dịch Gành Hào nhận theo hợp đồng đã ký kết) số tiền 50.899.565 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 00 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.430.812 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.468.753 đồng.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp chị Nguyễn Thị E không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TL mại cổ phần B thì Ngân hàng TL mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản bảo lãnh thế chấp của ông Nguyễn Văn G là quyền sử dụng đất số phát hành

BM-733805, số vào sổ cấp GCN: CH01609 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Văn G ngày 22/01/2013 tại thửa 163 tờ bản đồ số 10, diện tích 1.797,4m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư và 1.722,4m^2 đất trồng cây lâu năm) để thu hồi nợ.

5. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TL mại cổ phần B đối với chị Nguyễn Thị E. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TL mại cổ phần B đối với chị Nguyễn Thị E về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 72.307.247 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 17.181.822 đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị E trả lại cho Ngân hàng TL mại cổ phần B số tiền 260.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

7. Về án phí: Chị Nguyễn Thị E phải nộp 2.544.978 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng TL mại cổ phần B được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.330.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008603 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Hoàng Tính